

Bản án số: 100/2024/DS-ST
Ngày 15 – 4 – 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăm D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăm D tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 603/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Số 245/15, đường Nơ Trang L, phường 11, quận Bình Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Mạnh H: Chị Diệp Thị Đ, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đăm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn A, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đăm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và Ngh vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Số 245/15, đường Nơ Trang L, phường 11, quận Bình Th, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Chị Diệp Thị Đ trình bày:*

Vào năm 2022, ông Lê Mạnh H có nhận chuyển nhượng phần đất của bà

Hồ Thuý Ch phân đất tại ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau tổng diện tích là 86,8m², ngày 09/8/2022 ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc đất là của ông Phạm Thanh C (đã chết), ông C đã tặng cho con là ông Phạm Văn B, anh B đã được đứng quyền sử dụng đất, ông C chết khoảng 1 năm thì anh B cũng chết. Bà Tăng Thị D là vợ anh B mới chuyển nhượng cho bà Hồ Thuý Ch, sau đó bà Ch mới chuyển nhượng lại cho ông H. Trên đất có một ngôi nhà của ông A là chú chồng của bà D, nhiều lần ông H yêu cầu ông A di dời nhà trả hiện trạng đất cho ông sử dụng thì ông A không đồng ý mà thách thức ông H khởi kiện ra toà.

Nay ông H yêu cầu ông A di dời nhà trả cho ông H diện tích đất theo đo đạc thực tế là 80.9m² tại ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau do ông Lê Mạnh H và bà Nguyễn Thị Ph đứng tên quyền sử dụng.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông A trình bày:*

Vào năm 2000, ông được người anh ruột tên Phạm Minh C cho mượn đất cất nhà ở để mua bán, không được sang bán. Khoản năm 2019 – 2020 ông C tặng cho đất cho con là Phạm Văn B. Ông C chết khoảng hơn 1 năm thì ông B cũng chết, sau khi ông B chết thì vợ ông B là Tăng Thị D bán hết đất cho bà Hồ Thuý Ch, bà Ch bán cho bà Diệp Thị Đ, bà Đ bán lại cho ông Lê Mạnh H, qua các lần sang bán sau này có tranh chấp ông mới biết chứ việc sang bán giữa các bên ông không hay biết. Hiện nay ông Phạm Hữu Ngh là em chồng bà D đang có đơn khởi kiện bà D liên quan đến phần đất này nhưng chưa được Toà án giải quyết.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông H, ông không thống nhất. Do đây là đất của ông bà để lại, ông được anh ông cho mượn ở, ông kiên quyết ở trên đất, không đồng ý di dời nhà. Đối với các hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên ông không hay biết và không có yêu cầu gì liên quan đến các hợp đồng này.

* Đối với bà Nguyễn Thị Ph: Mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà không có ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án, bà có đơn xin không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trường hợp được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì phía ông H đồng ý hỗ trợ cho ông A chi phí di dời nhà là 3.000.000 đồng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và Ngh vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nên không có kiến nghị, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H. Buộc ông

Phạm Văn A di dời nhà trả diện tích đất lấn chiếm là 80,9m² tại ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau do ông Lê Mạnh H và bà Nguyễn Thị Ph đứng tên quyền sử dụng.

Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Văn A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph và ông A là phù hợp và đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông H yêu cầu ông A di dời nhà trả cho ông H diện tích đất theo đo đạc thực tế là 80,9m² tại ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Phần đất nguyên đơn đặt ra tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 80,9m² tại ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có các hướng tiếp giáp: Hướng đông giáp lộ Đầm D – Cà Mau, hướng tây giáp đất bà Nguyễn Thị Liên, hướng nam giáp sông Tân Khánh, hướng bắc giáp lộ giao thông 2,5m.

Về nguồn gốc đất, các đương sự trình bày thống nhất với nhau là của ông Phạm Minh C, khi còn sống ông C đã tặng cho con trai là Phạm Văn B. Sau khi anh B chết thì vợ anh B là chị Tăng Thị D đã thống nhất chuyển nhượng cho bà Hồ Thúy Ch vào năm 2022, cũng trong năm 2022 bà Ch chuyển nhượng cho ông H một phần diện tích 86,8m². Ông A xác định việc bà D bán đất cho bà Ch, bà Ch bán đất cho ông H ông không hay biết nên không đồng ý trả đất.

[2.1] Xét thấy, phần đất tranh chấp hiện nay ông Lê Mạnh H được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, về mặt pháp lý ông H là người sở hữu hợp pháp đối với phần đất tranh chấp. Ông A cho rằng việc bà D chuyển nhượng đất cho bà Ch, bà Ch chuyển nhượng đất cho ông H ông không hay biết nên không thống nhất trả đất là không phù hợp, bởi lẽ phần đất tranh chấp ông A cũng thừa nhận không phải là đất của ông, ông chỉ được ông C cho ở nhờ, nên việc chuyển nhượng giữa các bên về thủ tục không bắt buộc phải thông qua ông. Mặt khác, khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng đất bà Ch và ông H đều biết có ngôi nhà tạm của ông A trên đất và biết ông A chỉ ở nhờ trên đất, trước đó không nghe ông A đặt ra tranh chấp với bà D hay ông C về phần đất này. Ông H tạo điều kiện cho ông A có thời gian dài tháo dỡ nhà, khi ông A không chịu di dời ông H có yêu cầu đến địa phương giải quyết thì ông A chỉ nói nhà của ông ông không dỡ, ai dỡ được thì vào dỡ.

[2.2] Theo biên bản ghi lời khai của chị Hồ Thúy Ch (BL số 64) chị Ch xác định trình tự thủ tục chuyển nhượng đất của chị D với chị, giữa chị với ông H được

thực hiện đúng trình tự thủ tục. Ông A biết việc chuyển nhượng của các bên nhưng không có ý kiến. Việc ông A không di dời nhà, giao trả đất nhằm gây khó khăn, cản trở cho ông H.

[2.3] Qua xác minh từ chính quyền địa phương xác định được ngoài ngôi nhà tạm của ông A trên phần đất tranh chấp thì ông A còn nhà và đất gần đó, cùng một căn nhà tạm dưới chân cầu Ngã Tư Xóm R buôn bán nhỏ cùng vợ ông. Ngôi nhà trên phần đất tranh chấp hiện nay ông không sử dụng.

Ông A cho rằng bà Ch có chuyển nhượng đất cho bà D và việc ông Ngh là em chồng của bà D đang khởi kiện bà D liên quan đến phần đất trên nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho trình bày của ông nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

Từ các lập luận nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H. Buộc ông A di dời ngôi nhà tạm trên đất, giao trả cho ông H diện tích đất theo đo đạc thực tế là 80,9m². Việc ông H tự nguyện hỗ trợ cho ông A chi phí di dời nhà là 3.000.000 đồng là ý chí tự nguyện của ông H, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông H đã nộp 2.069.000 đồng và tự nguyện chịu toàn bộ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H không phải chịu án phí; Ông A có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 157 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H. Buộc ông Phạm Văn A trả cho ông H diện tích đất 80,9m² tại ấp Tân Đ, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Có vị trí như sau:

- Hướng đông giáp lộ Đầm D – Cà Mau đoạn M2M3 = 10,75m;
- Hướng tây giáp đất bà Nguyễn Thị L đoạn M1M4 = 9,85m;

- Hướng nam giáp sông Tân Kh đoạn M3M4 = 5,22m;
- Hướng bắc giáp lộ bê tông đoạn M1M2 = 12,04m

(kèm mảnh đo đạc chính lý thửa đất ngày 02/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm D).

2. Buộc ông A di dời ngôi nhà tạm trên đất để trả lại hiện trạng đất cho ông H. Buộc ông H hỗ trợ cho ông A chi phí di dời nhà là 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày các nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện Ngh vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Mạnh H tự nguyện chịu 2.056.000 đồng, ông H đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H và ông A không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bà Tạ Thị Dung, bà Tạ Thị Tiêm, bà Tạ Thị Nâu, bà Tạ Thị Liên, ông Nguyễn Văn Đẩu, ông Nguyễn Hoàng Khải, bà Nguyễn Tuyết Vân, anh Nguyễn Minh Hoàng, chị Nguyễn Kim Anh, anh Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Ánh Tuyết, chị Nguyễn Thị Hằng, anh Tạ Thành Cuộc, anh Tạ Thành Công có yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Ngọc Bích, anh Tạ Thành Đăng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp và đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tạ Thị Đầy chết vào ngày....., căn cứ khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa người thừa kế của bà Đầy vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền và Ngh vụ tố tụng là phù hợp, đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Ô, bà Tiêm khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Tôn Thị Vinh; bà Dung, người kế thừa

quyền và Ngh vụ tố tụng của bà Đầy, bà Liên, bà Nâu yêu cầu đòi ông Phụng giao trả di sản của bà Vinh giao cho ông Ô quản lý. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp đòi lại di sản thừa kế và tranh chấp thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện Ông Ô, bà Tiêm, bà Dung, bà Đầy, bà Liên khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 21.000m² do bà Tôn Thị Vinh đứng tên quyền sử dụng, quá trình giải quyết vụ án Ông Ô, bà Tiêm, bà Dung, bà Đầy, bà Liên chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất ông Phụng đang quản lý theo đo đạc thực tế là 18.724,8m², không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất của bà Vinh do anh Công đang quản lý. Mặc khác bà Nâu, bà Dung, bà Liên và những người kế thừa quyền và Ngh vụ tố tụng của bà Đầy yêu cầu đòi lại di sản thừa kế và thống nhất giao cho ông Ô quản lý. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của các đương sự không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 224 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Phần đất các nguyên đơn đặt ra tranh chấp yêu cầu chia thừa kế do ông Phụng đang quản lý theo đo đạc thực tế có diện tích 18.724,8m² tại ấp Lung Vinh, xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có các hướng tiếp giáp: Hướng đông giáp kênh số 2, hướng tây giáp đất Tạ Hoàng Đông, hướng nam giáp đất Tạ Thành Chiến và Tạ Hoàng Giang, hướng bắc giáp Dương Hoàng Hận, Trần Văn Bê, Nguyễn Văn Đạo, Lữ Văn Bảy, Từ Văn Ph, Nguyễn Văn Đước, Lê Việt Khoa và La Văn Kiêm. Do ông Tạ Thành Phụng đang quản lý.

Về nguồn gốc đất, các đương sự trình bày thống nhất với nhau là do ông Tạ Thành Tám và bà Tôn Thị Vinh khai phá, năm 1971 ông Tám chết, năm 1994 bà Vinh đứng tên quyền sử dụng, năm 2004 bà Vinh chết. Các con của ông Tám và bà Vinh gồm: Ông Tạ Thành Ô, bà Tạ Thị Dung, bà Tạ Thị Đầy (chết), bà Tạ Thị Tiêm, bà Tạ Thị Liên và Tạ Thị Nâu. Dù các đương sự trình bày thống nhất với nhau về nguồn gốc đất tranh chấp nhưng không xác định được thời gian ông Tám và bà Vinh khai phá đất, sau khi khai phá thì không sử dụng được do chiến tranh, năm 1971 ông Tám chết, đến năm 1975 bà Vinh mới về lại đất sử dụng, năm 1994 thì cá nhân bà Vinh được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất và đã cấp giấy chứng nhận cho cá nhân bà nên toàn bộ diện tích đất là tài sản của bà Vinh chứ không phải là tài sản chung của bà Vinh và ông Tám.

[2.1] Xét việc tặng cho đất giữa ông Ô và ông Phụng thấy rằng: Ông Phụng và người đại diện theo ủy quyền của ông Ô xác định năm 2002 khi chuyển dịch sang nuôi tôm thì ông Ô là người cải tạo đất, xuống cống kê ông Phụng về sử dụng vì thời điểm này ông Phụng có đi quản lý đất cho ông Ô ở Năm Căn. Khi ông Phụng về có cất nhà tạm để quản lý đất, đến năm 2006 thì xây dựng nhà kiên cố, đến năm 2009 thì ông Ô cùng các người con của bà Vinh lập biên bản họp gia đình để phân chia đất ngày 04/10/2009, ông Ô là người trực tiếp đứng ra phân chia

đất cho con là Tạ Thành Phương được hưởng 17.000m², chia cho cháu là Tạ Thành Công được hưởng 4.000m², có xác nhận của chính quyền địa phương.

Năm 2002 thời điểm này bà Vinh còn sống, ông Phương tự đứng ra phân chia đất cho con cháu, bà Vinh không ngăn cản, khi bà Vinh chết thì năm 2009 ông Phương lập biên bản họp gia đình đề chủ trì việc phân chia đất thì các người con khác của bà Vinh không ai có ý kiến hay can ngăn. Qua làm việc với các đồng nguyên đơn thì họ xác định khi bà Vinh còn sống giao quyền cho ông Ô định đoạt đất do ông Ô là con trai duy nhất nên các người con còn lại không ai đặt ra tranh chấp. Do đó, mặc nhiên các nguyên đơn đã thừa nhận việc ông Ô đã được bà Vinh tặng cho, sau đó ông Ô đã định đoạt việc giao đất cho ông Phương hưởng, thể hiện rõ ý chí tặng cho của ông Ô nên việc các nguyên đơn khởi kiện đòi đất từ ông Phương để chia thừa kế là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Từ lập luận nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phương. Công nhận phần đất theo đo đạc thực tế 18.724,8m² thuộc quyền sử dụng của ông Phương.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự các nguyên đơn phải chịu 7.720.600 đồng. Nguyên đơn đã nộp xong chi phí tố tụng.

[6] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Các nguyên đơn không phải chịu án phí do có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 157 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 692, 722, 723 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 167, Điều 188, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ô, bà Nâu, bà Liên, bà Dung, bà Tiêm và hàng thừa kế của bà Đầy về việc yêu cầu ông Phương giao lại diện tích đất 18.724,8m² tại ấp Lung Vinh, xã Quachs Phẩm Bắc cho Ô, bà Nâu, bà Liên, bà Dung, bà Tiêm và hàng thừa kế của bà Đầy.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phương, công nhận cho ông Phương được quản lý, sử dụng diện tích đất diện tích 18.724,8m² tại ấp Lung Vinh, xã Quachs Phẩm Bắc, có các hướng tiếp giáp: Hướng đông giáp kênh số 2, hướng tây giáp đất Tạ Hoàng Đông, hướng nam giáp đất Tạ Thành Chiến và Tạ Hoàng

Giang, hướng bắc giáp Dương Hoàng Hận, Trần Văn Bê, Nguyễn Văn Đạo, Lữ Văn Bảy, Từ Văn Ph, Nguyễn Văn Được, Lê Việt Khoa và La Văn Kiểm.

(kèm theo bản trích đo hiện trạng ngày 10/3/2023 của Công ty TNHH Phát triển xanh Việt Nam).

3.Về chi phí tổ tụng: Các nguyên đơn phải chịu 7.720.600 đồng, đã nộp xong.

4.Án phí dân sự sơ thẩm:miễn toàn bộ cho các nguyên đơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Mai